

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2021/HN-ST

Ngày: 23-02-2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đức**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hồng**

2. Bà **Phan Thị Nga**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lâm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 767/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 614/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Ông Thị Thùy D**, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp TP, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Trì Văn Mỹ T**, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BQ, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn bà Ông Thị Thùy D trình bày, bà và ông Trì Văn Mỹ T tự nguyện tìm hiểu và sống chung vào năm 2007, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau không có hạnh phúc, nguyên nhân do chồng không tôn trọng cha mẹ vợ, thường xuyên đánh đập bà. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2008 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà D yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà D xác định vợ chồng có 01 con chung tên Trì Thị Thùy L, sinh ngày 06/11/2008, hiện con đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trì Văn Mỹ T trong quá trình giải quyết đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của bà D và triệu tập hợp lệ, nhưng ông không có ý kiến và vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ, hòa giải, nên không ghi nhận ý kiến và hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà Ông Thị Thùy D vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Ông Trì Văn Mỹ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa, nhưng ông vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Bà Ông Thị Thùy D khởi kiện xin ly hôn ông Trì Văn Mỹ T có nơi cư trú ấp BQ, xã BPX, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Trì Văn Mỹ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa, nhưng ông vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trì Văn Mỹ T là có căn cứ.

[2]- Về nội dung: Bà Ông Thị Thùy D và ông Trì Văn Mỹ T sống chung vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do chồng không tôn trọng cha mẹ bà D, chồng hay đánh đập bà. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2008 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà D xin ly hôn ông T. Hội đồng xét xử xét thấy, bà D và ông T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của bà D và triệu tập hợp lệ ông T để giải quyết, nhưng ông không có ý kiến và vắng mặt trong các buổi hòa giải, điều này chứng tỏ tình cảm của ông T đối với bà D không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc, nên yêu cầu của bà D phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và có cơ sở chấp nhận.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Bà D xác định vợ chồng có 01 con chung tên Trì Thị Thùy L, sinh ngày 06/11/2008, hiện đang sống với bà D. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi con phải được xem xét trên cơ sở điều kiện, nuôi dưỡng về vật chất, cũng như tinh thần, đảm bảo cho con chung phát triển tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội. Mặt khác, cũng phải căn cứ nguyện vọng của con chung để xem xét. Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu L và cháu có nguyện vọng sống chung với bà D sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường và đáp ứng nguyện vọng của cháu L, nên yêu cầu của bà D về việc nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và có cơ sở chấp nhận.

Do bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Bà D xác định vợ chồng không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4]- Về nợ chung: Bà D xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà **Ông Thị Thùy D** xin ly hôn ông **Trì Văn Mỹ T**.

Về quan hệ con chung: Bà D được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Trì Thị Thùy L, sinh ngày 06/11/2008, hiện đang sống với bà D. Ông Trì Văn Mỹ T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận bà D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà D, ông T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với T cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Bà Ông Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0013654 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Phước Xuân;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đức